

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KT
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/DS-ST
Ngày: 14 - 4 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng góp hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Truỵện;
2. Bà Nguyễn Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Công - là thư ký Tòa án nhân dân thị xã KT.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã KT, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2022/TLST-DS, ngày 21 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng góp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXX-ST ngày 04/4/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1956. (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 2, Phường 2, thị xã KT, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Th, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 5, Phường 1, thị xã KT, Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và phần trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa như sau: Bà Nguyễn Thị Y yêu cầu bà Trần Thị Th trả số tiền nợ hui là 196.600.000 đồng (trong dây hui mở ngày 25/8/2019, dây hui mở ngày 05/11/2020).

Về căn cứ khởi kiện: Bà Y tham gia 02 dây hui do bà Th làm chủ hui, cụ thể:

Dây hui 3.000.000 đồng/phần mở ngày 25/8/2019. Hui có 25 phần, mần hui tháng 7/2021, bà Y tham gia 03 phần đã đóng được 21 kỳ, đến khi được lãnh hui thì bà Th không giao tiền cho bà Y. Cụ thể số tiền đóng 03 phần trong 21 kỳ là: 3.000.000 đồng x 21 kỳ x 03 phần = 189.000.000 đồng. Tiền hoa hồng trả cho bà Th mỗi phần là 1.200.000 đồng, 03 phần hui là 3.600.000 đồng. Như vậy số tiền bà Th phải trả cho bà Y 185.400.000 đồng. (theo đơn khởi kiện bà yêu cầu trả 189.000.000 đồng, nay bà Y xác định số tiền hui yêu cầu sau khi trừ tiền hoa hồng 185.400.000 đồng).

Dây hui 2.000.000 đồng/phần mở ngày 05/11/2020, hui có 24 phần, bà Y tham gia 01 phần và đã đóng được 08 kỳ số tiền hui thực đóng là 1.400.000 đồng x 8 kỳ = 11.200.000 đồng. Sau đó bà Th ngưng không thu hui nữa, nay bà Y yêu cầu bà Th trả số

tiền hội đã đóng 11.200.000 đồng.

Tổng số tiền hội bà Y yêu cầu bà Th trả: 185.400.000 đồng + 11.200.000 đồng = 196.600.000 đồng, không đồng ý cho trả dần.

Bị đơn bà Trần Thị Th trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa: Bà Th làm chủ hội, có tổ chức 02 dây hội, cụ thể:

Dây hội 3.000.000 đồng/phần mở ngày 25/8/2019. Hội có 25 phần, bà Y tham gia 03 phần đã đóng được 21 kỳ, bà thống nhất số tiền hội nợ bà Y sau khi trừ tiền hoa hồng là 185.400.000 đồng.

Dây hội 2.000.000 đồng/phần mở ngày 05/11/2020, hội có 24 phần, bà Y tham gia 01 phần và đã đóng được 08 kỳ được số tiền là 11.200.000 đồng. Do tình hình dịch bệnh, một số hội viên đóng hội không đầy đủ nên dây hội đã ngưng.

Nay bà Th đồng ý trả số tiền nợ hội 185.400.000 đồng + 11.200.000 đồng = 196.600.000 đồng cho bà Y. Tuy nhiên do điều kiện kinh tế khó khăn, các hội viên nợ tiền hội của bà chưa trả nên bà đề nghị được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Y khởi kiện yêu cầu Trần Thị Th trả tiền nợ hội. Bị đơn bà Th cư trú tại Phường 1, thị xã KT nên căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hợp đồng góp hội, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã KT.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Vấn đề đã thống nhất: Bà Nguyễn Thị Y và bà Trần Thị Th thống nhất số tiền hội bà Th nợ bà Y là 196.600.000 đồng (tiền hội trong dây mở ngày 25/8/2019 và dây hội mở ngày 05/11/2020). Như vậy, căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự có cơ sở xác định giữa các bên có xác lập giao dịch hội. Hiện nay số tiền hội bà Th nợ bà Y là 196.600.000 đồng, bà Th đồng ý trả số tiền này cho bà Y.

[2.2] Vấn đề không thống nhất: Bà Y yêu cầu bà Th trả một lần hết số tiền 196.600.000 đồng. Ngược lại bà Trần Thị Th đề nghị được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Xét thấy, Dây hội mở ngày 25/8/2019 tính đến nay đã mãn hội, bà Y đã đóng được 21 kỳ hội nhưng bị đơn bà Th chưa giao tiền hội cho bà Y là vi phạm nghĩa vụ, bà Y không đồng ý cho bị đơn trả dần nên Hội đồng xét xử cần buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán theo yêu cầu của nguyên đơn. Đối với số tiền nợ hội trong dây hội mở ngày 05/11/2020, bà Y đã đóng được 11 kỳ số tiền hội thực đóng là 11.200.000 đồng, các bên thỏa thuận ngưng hội, bà Th đồng ý thanh toán số tiền trên cho bà Y, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, bà Th đề nghị được trả dần nhưng không được nguyên đơn đồng ý. Do đó để bảo đảm quyền lợi cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử cần buộc bị đơn thanh toán số tiền trên theo yêu cầu của nguyên đơn.

[2.3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Trần Thị Th thanh toán số tiền nợ hui 196.600.000 đồng cho bà Y như bà Y yêu cầu.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 274, 275, 280, Điều 471 Bộ luật Dân sự.

Áp dụng Nghị định số 19/2019/NĐ-CP của Chính phủ về hộ, hui, biểu, phường.

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y về việc tranh chấp hợp đồng góp hui với bà Trần Thị Th.

Buộc bà Trần Thị Th có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Y số tiền là 196.600.000 đồng (Một trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng).

Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Th phải nộp 9.830.000 đồng án phí. Bà Nguyễn Thị Y thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí và không phải nộp án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Y và bà Trần Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND thị xã KT;
- Chi cục THADS thị xã KT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Dương Thị Tuyết Nhung